TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2024/KDTM-PT
Ngày: 16/7/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Ông Bùi Đức Bằng**

Các Thẩm phán : **Bà Lê Thúy Linh**

Ông Nguyễn Xuân Tuấn

- Thư ký phiên toà: **Ông Nguyễn Trung Kiên** - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:

Bà Hoàng Thị Hồng Chiêm- Kiểm sát viên.

Ngày 16/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dânthành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 283/TLPT-KDTM ngày 19/12/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 38/2023/KDTM-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân quận TH, thành phố Hà Nội bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 264/2024/QĐXX-PT ngày 06/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 341/2024/QĐ-HPT ngày 03/6/2024, Thông báo mở lại phiên tòa số 324/2024/TB-TA ngày 24/6/2024giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần T và Thương mại Hà Nội;

Trụ sở: Xóm Cố Thổ, xã HS, huyện LS, tỉnh H;

Địa chỉ nhận văn bản tố tụng: KM14+500 Quốc lộ 6 Ba La, quận Hà Đông, TP Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Hà L-Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc T1 - Phó Giám đốc*(văn bản ủy quyền ngày 29/11/2019).*– Có mặt

2. Bị đơn: **Công ty cổ phần xây dựng số 1 SH**;

Trụ sở: Số 72 An Dương, phường Y, quận TH, TP Hà Nội;

*Người đại diện theo pháp luật:*Ông Nguyễn Đức H–Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Vân H1 (*theo Giấy ủy quyền số 58/UQ-CT ngày 15/7/2024*)– Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần Đầu Tư HP;

Trụ sở: Tầng 5 tòa CT3 The Pride, khu ĐTM An Hưng, phường LK, quận HĐ, thành phố Hà Nội;

*Người đại diện theo pháp luật:*Ông Đỗ Quý H2 - Chủ tịch HĐQT.

*Đại diện theo ủy quyền:*Bà Trần Thị H3 – Phó Chánh Văn phòng và bà Nguyễn Thị Ngọc M – Chuyên viên Công ty (*Văn bản ủy quyền số 06/UQ-HP ngày 12/01/2024*).– Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình Toà án giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/6/2016, Công ty cổ phần đầu tư HP là chủ đầu tư dự án (bên A) (sau đây viết tắt là Công ty HP) đã ký với Công ty cổ phần xây dựng số 1 SH là bên mua (bên B) (sau đây viết tắt là Công ty số 1 SH) và Công ty cổ phần T và thương mại Hà Nội là bên bán (bên C) (sau đây viết tắt là Công ty T Hà Nội) Hợp đồng nguyên tắc số:106/2016/PL/CT-5/HĐNTvề việc cung cấp thép xây dựng cho công trình chung cư cao tầng CT-5 thuộc dự án: Khu nhà ở xã hội Phú Lãm (sau đây viết tắt là HĐ số 106).

Về phương thức, điều kiện thanh toán: Điều 4 HĐ số 106 quy định: "1. Công ty HP *(Bên A) có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T Hà Nội (Bên C) tương ứng 80% giá trị đơn hàng. Giá trị cụ thể theo từng hồ sơ thanh toán do Công ty số 1 SH (bên B) đề xuất và Bên A chấp nhận. Số tiền còn lại Công ty số 1 SH có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T Hà Nội. 2. Thời gian thanh toán: Bên A và Bên B sẽ thanh toán cho Bên C trong vòng 45 ngày kể từ ngày giao hàng. Nếu quá hạn Bên B phải trả lãi cho Bên C theo lãi suất 0.06%/ngày, suốt thời gian quá hạn".*

Về phạt vi phạm HĐ: Khoản 2 Điều 6HĐ số 106 quy định: Một trong các bên hoàn toàn không thực hiện các đơn hàng thì phải chịu phạt vi phạm hợp đồng ở mức cao nhất là 8% giá trị đơn hàng và bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế xảy ra.

Quá trình thực hiện HĐ số 106, Công ty T Hà Nội đã xuất bán 04 đơn hàng và xuất đủ hóa đơn tài chính cho Công ty số 1 SH với tổng giá trị: **15.969.554.095 đồng**, chi tiết:

- Đơn 1: Ngày 16/7/2016 xuất bán đơn hàng trị giá: 6.572.594.655 đồng;
- Đơn 2: Ngày 27/7/2016 xuất bản đơn hàng trị giá: 1.484.780.715 đồng;
- Đơn 3: Ngày 15/9/2017 xuất bán đơn hàng trị giá: 4.147.302.445 đồng;

- Đơn 4: Ngày 21/1/2018 xuất bán đơn hàng trị giá: 3.764.876.280 đồng.

Công ty số 1 SH chưa thanh toán một lần nào, Công ty HP đã thanh toán cho Công ty T Hà Nội 02 lần với tổng giá trị: **8.958.713.500 đồng**, cụ thể: ngày 23/01/2018, số tiền: 4.059.490.295 đồng; ngày 04/4/2018, số tiền: 4.899.223.205 đồng.

Đối chiếu với các điều khoản quy định trong Hợp đồng thì:Công ty HP còn phải thanh toán cho Công ty T Hà Nội số tiền: 3.816.929.776 đồng và tiền vi phạm Hợp đồng 305.354.382 đồng; Công ty số 1 SH còn phải thanh toán cho T Hà Nội số tiền: 3.193.910.819 đồng và tiền vi phạm Hợp đồng là 255.512.865 đồng.

Công ty T Hà Nội khởi kiện yêu cầu:

1. Buộc Công ty số 1 SH phải thanh toán cho Công ty T Hà Nội, tổng số tiền tạm tính đến ngày 05/8/2019 là: **8.566.154.127 đồng**, trong đó:

+/Tiền hàng: 3.193.910.819 đồng.

+/ Lãi quá hạn: 5.116.730.443 đồng;

+/ Tiền phạt vi phạm HĐ: 255.512.865 đồng.

Và tiền lãi trên nợ gốc tính từ ngày **05/8/2019** đến khi thanh toán hết nợ.

2.Buộc Công ty HP phải thanh toán cho Công ty T Hà Nội, tổng số tiền: **4.122.284.158 đồng**, trong đó:

+/ Tiền nợ gốc: 3.816.929.776 đồng;

+/ Tiền vi phạm HĐ: 305.354.382 đồng.

2. Bị đơn Công ty cổ phần xây dựng số 1 SH trình bày:

Công ty cổ phần xây dựng số 1 SH không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bởi:

Thứ nhất: HĐ số 106 chưa được xác định là hợp đồng chính thức, việc ký kết HĐ số 106 chỉ mang tính định hướng, quy định những vấn đề chung, là cơ sở để các bên ký hợp đồng chính thức. Công ty số 1 SH chưa chính thức ký hợp đồng 3 bên từ HĐ số 106, cũng như phụ lục hợp đồng này. Ông Nguyễn Ngọc là Tổng Giám đốc Công ty số 1 SH ký hợp đồng, theo Điều lệ công ty thì hợp đồng do ông Ngọc ký để có giá trị pháp lý phải có sự chấp thuận của HĐQT.HĐ số 106 ông Ngọc ký chưa có sự chấp thuận của HĐQT, HĐQT không biết nên vô hiệu, Công ty số 1Sông Hồng không có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T Hà Nội.

Thứ hai: Căn cứ khoản 2 Điều 5 HĐ số 106*: "Bên A và bên B sẽ thanh toán cho bên C trong vòng 45 ngày kể từ ngày giao hàng"*. Đơn khởi kiện

nguyên đơn liệt kê 4 đơn hàng như trên. Lần xuất hóa đơn cuối cùng của HĐ số 106 là ngày 29/01/2018 lần xuất hóa đơn đầu tiên là ngày 16/7/2016. Đơn khởi kiện nguyên đơn đề ngày 05/8/2019, ghi Công ty HP đã chuyển tiền cho nguyên đơn 2 đợt vào ngày 23/01/2018 và ngày 04/4/2018. Công ty HP giải trình làthanh toán theo đề nghị của Công ty số 1 SH (công văn 40/CT-TCKT ngày 19/01/2018 và số 78/CT-TCKT ngày 05/02/2018. Sở dĩ có khái niệm thanh toán hộ ở đây vì trước khi ký HĐ số 106,Công ty số 1 SH và Công ty HP đã ký Hợp đồng thi công số 12/2016/PL/CT-5/HĐXD ngày 08/01/2016, theo đó Công ty số 1 SH nhận thi công một số hạng mục công trình chung cư cao tầng CT5 thuộc dự án Khu nhà ở xã hội Phú Lãm (viết tắt là HĐ số 12) đã bao gồm chi phí nguyên vật liệu để xây dựng công trình. Do đó,việc Công ty HP chuyển tiền cho Công ty T Hà Nội đồng nghĩa với việc Công ty số 1 SH thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình nên Công ty T Hà Nội nói rằng Công ty số 1 SH chưa thanh toán lần nào là không đúng. Thực tế Công ty số 1 SH đã thanh toán 8.958.713.500 đồng, được xác định là thanh toán cho đơn 3,4 và một phần đơn 2. Như vậy nghĩa vụ bị vi phạm từ năm 2016 đến năm 2019 Công ty T Hà Nội mới khởi kiện là hết thời hiệu khởi kiện.

Thứ ba: Điều 1 HĐ số 106 ghi: "*thép xây dựng do các hãng sản xuất gồm: Việt Đức, Hòa phát, Việt Ý, Thái Nguyên, Việt Úc, Việt Nhật, đường kính theo hồ sơ thiết kế được chủ đầu tư phê duyệt*". Tuy nhiên trong hồ sơ thanh toán của bên C cung cấp có 1 lượng đáng kể thép Việt-Sing là sai so với HĐ số 106.

Thứ tư: Về hồ sơ thanh toán theo nguyên đơn cung cấp thì cả 4 bản đề nghị thanh toán đều không xác định được bên A, hồ sơ thanh toán đợt 4 thì báo giá thiếu xác nhận của bên B. Kết quả thí nghiệm mẫu của lô hàng cả 4 đợt giao hàng chỉ có 02 đợt thí nghiệm vào ngày 23/7/2016 và 19/01/2018 nên không rõ kết quả nào được dùng cho đơn hàng nào. Nguyên đơn cung cấp năm 2016 có 02 đơn đặt hàng vào đầu và cuối tháng 7 nhưng phiếu chứng nhận chất lượng thép chỉ có ngày 22/7/2016 và 25/7/2016 nên hồ sơ thanh toán của bên C là không chính xác.

Do đó HĐ số 106vô hiệu, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần Đầu tư HP trình bày:

Việc ký HĐ số 106 như nguyên đơn trình bày ở trên là đúng. Theo hợp đồng số 106, Công ty T Hà Nội bán thép xây dựng cho Công ty số 1 SH để phục vụ thi công công trình trên.

Bên A chỉ thanh toán cho bên C (hoặc các nhà cung cấp khác nếu bên B nhập từ nhiều nhà cung cấp khác nhau) với tổng khối lượng nhập về công trường không vượt quá 10% khối lượng theo bảng kê. Khối lượng vượt quá bảng này bên B tự động thanh toán cho nhà cung cấp.

Về điều kiện và thời gian thanh toán trong HĐ số 106 như nguyên đơn đã nêu.

Về thu hồi tiền thanh toán: Bên A sẽ thu hồi toàn bộ số tiền thanh toán vật tư cho bên C ở kỳ thanh toán, tạm ứng khối lượng hoàn thành giai đoạn bên B.

Trước khi ký HĐ số 106, Công ty số 1 SH và Công ty HP đã ký HĐ số 12. Giá trị Gói thầu thi công theo HĐ số 12 đã bao gồm cả chi phí nguyên vật liệu đầu vào để xây dựng công trình nên nghĩa vụ cung cấp nguyên vật liệu để thi công xây dựng công trình là của Công ty số 1 SH (bên B). Số lượng thép Công ty số 1 SH mua của Công ty T Hà Nội quy định theo HĐ số 106 được bên B sử dụng để thực hiện các hạng mục công việc của bên B đảm nhận theo HĐ số 12. Khi đủ điều kiện thanh toán theo HĐ số 106, bên A sẽ thay mặt bên B thanh toán tiền thép cho bên C mà bên C đã bán cho bên B theo tỷ lệ tương ứng mà các bên đã thỏa thuận tại HĐ số 106. Bên A sẽ thu hồi toàn bộ số tiền thanh toán vật tư cho bên C ở kỳ thanh toán, tạm ứng khối lượng hoàn thành giai đoạn của bên B.

- Tháng 01/2018, Công ty HP nhận được Công văn số 40/CT-TCKT ngày 19/01/2018 của Công ty số 1 SH đề nghị bên A thanh toán hộ bên B tiền vật tư cho Công ty T Hà Nội với số tiền **4.059.490.295 đồng**; Ngày 23/01/2018, Công ty HP đã thay mặt Công ty số 1 SH chuyển cho Công ty T Hà Nội số tiền trên vào tài khoản của Công ty T Hà Nội mở tại Ngân hàng Techcombank -Chi nhánh Hà Tây (*Theo Uỷ nhiệm chi ngày 23/01/2018 của Bên A tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam*).

-Tháng 02/2018, Công ty HP nhận được Công văn số 78/CT-TCKT ngày 5/02/2018 của Công ty số 1 SH đề nghị bên A thanh toán hộ bên B tiền vật tư cho Công ty T Hà Nội với số tiền là **4.899.223.205 đồng**. Ngày 04/4/2018, Công ty HP đã thay mặt Công ty số 1 SH chuyển cho Công ty T Hà Nội số tiền trên vào tài khoản của T Hà Nội mở tại Ngân hàng Techcombank-chi nhánh Hà Tây (*Theo Uỷ nhiệm chi ngày 04/04/2018 của bên A tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam*).

Công ty số 1 SH đã đề nghị Công ty HP thanh toán hộ cho Công ty T Hà Nội 2 lần với tổng số tiền: **8.958.713.500 đồng**.Việc Công ty T Hà Nội khởi kiện yêu cầu Công ty HP còn phải thanh toán cho Công ty T Hà Nội số tiền nợ gốc: 3.816.929.776 đồng và tiền vi phạm HĐ: 305.354.382 đồng, Công ty HP không đồng ý, bởi:

- Công ty HP không có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty T Hà Nội vìcăn cứ quy định tại HĐ số 106, Công ty số 1 SH là *bên mua hàng*, Công ty T Hà Nội là *bên bán hàng*, Công ty HP là *bên thanh toán hộ* tiền vật tư cho bên mua hàng khi và chỉ khi thỏa mãn đầy đủ các điều kiện được quy định tại HĐ số 106.

Việc thanh tóan tiền mua hàng là nghĩa vụ của bên mua hàng (Công ty số 1 SH) theo quy định tại Điều 50 của Luật Thương mại năm 2005: *"1. Bên mua có nghĩa vụ thanh tóan tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận. Bên mua phải*

tuân thủ các phương thức thanh toán, thực hiện việc thanh toán theo trình tự, thủ tục đã thỏa thuận và theo quy định của pháp luật".

Công ty HP là đơn vị "**thanh toán hộ"** chỉ thực hiện nghĩa vụ thanh toán hộ tiền vật tư cho bên mua hàng khi thỏa mãn đầy đủ 03 điều kiện được quy định tại khoản 1 Điều 4 Phương thức, điều kiện thanh toán, tại HĐ số 106, cụ thể:

- *Hồ sơ thanh toán được phê duyệt* (phải được đồng thời các bên liên quan phê duyệt thống nhất), gồm các giấy tờ quy định tại khoản 4 Điều 4 HĐ số 106.

- *Giá trị cụ thể theo từng hồ sơ thanh toán do Công ty số 1 SH đề xuất* (có nghĩa là giá trị cụ thể mà Công ty HP thanh toán hộ cho Công ty số 1 SH phải trên cơ sở đề xuất của Công ty số 1 SH, giá trị này không đồng nhất với toàn bộ giá trị tiền mua hàng mà bên mua đã mua của bên bán).

- *Bên A chấp thuận* (điều kiện tiên quyết theo ý chí của bên A là bên thanh toán hộ cho bên mua hàng hóa, giá trị do bên mua đề xuất thanh toán hộ phải được bên A chấp thuận,…). Việc bên A có thanh toán được cho bên C hay không phụ thuộc hoàn toàn vào việc cung cấp hồ sơ của bên B và quyết định phê duyệt của bên A.

Từ tháng 02/2018 đến nay, Công ty HP (bên A) chưa nhận được thêm bất kỳ hồ sơ đề nghị thanh toán nào khác từ Công ty số 1 SH (bên B) ngoài 02 lần đề nghị như đã nêu trên, đồng thời cũng không có bất kỳ văn bản nào của Công ty HP thể hiện Công ty HP đồng ý thanh toán thay cho Công ty số 1 SH số tiền còn lại theo HĐ số 106. Do chưa phát sinh điều kiện thanh toán hộ cho Công ty số 1 SH theo quy định tại HĐ số 106 nên chưa phát sinh nghĩa vụ phải thanh toán số tiền 3.816.929.776 đồng đối với Công ty HP, đồng nghĩa với việc chưa phát sinh quyền đòi nợ của Công ty T Hà Nội (bên C) đối với Công ty HP (Bên A) nên không có sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T Hà Nội (bên C). Trong mọi trường hợp nghĩa vụ thanh toán nợ cho Công ty T Hà Nội là nghĩa vụ duy nhất của Công ty số 1 SH.

Công ty HP không có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty T Hà Nội tiền phạt vi phạm hợp đồng, số tiền 305.354.382 đồng, bởi: Bên A không có nghĩa vụ phải thanh toán tiền nợ mua hàng trên của bên B cho bên C. Do đó không có cơ sở để yêu cầu Công ty HP (bên A) phải thanh toán khoản tiền phạt phát sinh từ số tiền trên. Trong mọi trường hợp dù bên A có chấp nhận thanh toán thay cho bên B hay không thì trách nhiệm trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo HĐ 106 là của riêng bên B, Công ty HP không có bất kỳ nghĩa vụ nào liên quan tới việc thanh toán tiền lãi chậm trả.

Căn cứ vào các lập luận trên, Công ty HP đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T Hà Nội về việc buộc Công ty HP phải thanh

toán cho Công ty T Hà Nội số tiền nợ gốc là 3.816.929.776 đồng và tiền vi phạm HĐ là 305.354.382 đồng.

4. Tại phiên tòa sơ thẩm:

4.1 Công ty T Hà Nội (nguyên đơn) trình bày:

Công ty T Hà Nội giữ nguyên các ý kiến như đã trình bày ở trên và rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu thanh toán tiền phạt do vi phạm HĐ số 106 (*Công ty số 1 SHsố tiền: 255.512.865 đồng, Công ty HP số tiền: 305.354.382 đồng*). Rút một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm trả đối với số tiền 3.816.929.776 đồng mà Công ty HP chưa thanh toán.

Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộcSông Hồng phải thanh toán cho T Hà Nội nợ gốc: 3.193.910.819 đồng và lãi chậm trả của số nợ gốc trên. BuộcHP phải thanh toán cho Công ty T Hà Nội, nợ gốc là 3.816.929.776 đồng.

4.2 Công ty số 1 SH (bị đơn): Vắng mặt.

4.2 Công ty HP (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan): Vắng mặt.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 38/2023/KDTM-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân quận TH, Hà Nội quyết định:

1. Về tố tụng:Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi tiền phạt vi phạm hợp đồng đối với: Công ty số 1 SH số tiền 255.512.865 đồng; Công ty HP số tiền 305.354.382 đồng.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi tiền lãi chậm trả của số tiền 3.816.929.776 đồng.

2. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần T và thương mại Hà Nội yêu cầu Công ty HP và Công ty số 1 SH thanh toán tiền còn nợ theo Hợp đồng nguyên tắc số 106/2016/PL/CT-5/HĐNT ngày 01/6/2016.

2.1. BuộcCông ty số 1 SH phải thanh toán cho Công ty Cổ phần T và thương mại Hà Nội, tổng số tiền:**7.290.607.086 đồng**, trong đó:

- Tiền hàng còn lại là: **3.193.910.819 đồng**.

- Lãi chậm trả là: **4.096.696.267 đồng**.

2.2. Buộc Công ty HP phải thanh toán cho Công ty Cổ phần T và thương mại Hà Nội số tiền hàng còn lại là: **3.816.929.776 đồng**.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền thi hành án và kháng cáo theo quy định của pháp luật.

5. Nội dung kháng cáo

Không đồng ý với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm 38/2023/KDTM-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân quận TH, ngày 17/10/2023Công ty số 1 SH có đơn kháng cáo. Ngày 05/11/2023Công ty HPcó đơn kháng cáo. Cụ thể như sau:

Thứ nhất: Công ty số 1 SH kháng cáo toàn bộ quyết định của Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm và đề nghị hủy bản án sơ thẩm, với lý do :

- Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi xét xử ngày 28/9/2023 nhưng không gửi Giấy triệu tập cho Công ty số 1 SH nên không biết để tham gia.

- Quyết định của bản án không khách quan, không đúng quy định của pháp luật.

Thứ hai: Công ty HP kháng cáo đối với một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết:

- Tuyên hủy nội dung tại mục 2.2 (về nội dung) phần quyết định của bản án sơ thẩm về yêu cầu Công ty HP phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền hàng còn lại là: 3.816929.776 đồng.

- Tuyên hủy nội dung tại mục 3 (về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm) phần quyết định của bản án sơ thẩm về yêu cầu Công ty HP phải nộp án phí là: 108.339.000 đồng.

- Yêu cầu Công ty số 1 SH và Công ty T Hà Nội thực hiện đúng các quy định các hợp đồng đã ký.

Ngoài đơn kháng cáo, người kháng cáo không cung cấp tài liệu, chứng cứ kèm theo.

6. Tại cấp phúc thẩm:

Tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay,các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo:

6.1 Công ty số 1 SH (bị đơn) trình bày nội dung kháng cáo như sau:

-Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi xét xử ngày 28/9/2023 nhưng không gửi Giấy triệu tập cho Công ty số 1 SH nên không biết để tham gia.

- Đơn khởi kiện nguyên đơn liệt kê 4 đơn hàng như trên. Lần xuất hóa đơn cuối cùng của HĐ số 106 là ngày 29/01/2018 lần xuất hóa đơn đầu tiên là ngày 16/7/2016.Đơn khởi kiện nguyên đơn đề ngày 05/8/2019. Như vậy nghĩa vụ bị vi phạm từ năm 2016 đến năm 2019 Công ty T Hà Nội mới khởi kiện là hết thời hiệu khởi kiện.

-Điều 1 HĐ số 106 ghi: "*thép xây dựng do các hãng sản xuất gồm: Việt Đức, Hòa phát, Việt Ý, Thái Nguyên, Việt Úc, Việt Nhật, đường kính theo hồ sơ thiết kế được chủ đầu tư phê duyệt*". Tuy nhiên trong hồ sơ thanh toán của bên C cung cấp có 1 lượng đáng kể thép Việt-Sing là sai so với HĐ số 106. Do đó HĐ số 106vô hiệu, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

-Về hồ sơ thanh toán, nguyên đơn cung cấp năm 2016 có 02 đơn đặt hàng vào đầu và cuối tháng 7 nhưng phiếu chứng nhận chất lượng thép chỉ có ngày 22/7/2016 và 25/7/2016 nên hồ sơ thanh toán của bên C chưa đủ điều kiện thanh toán.

- Tại Công văn 40/CT-TCKT ngày 19/01/2018 và số 78/CT-TCKT ngày 05/02/2018, Công ty số 1 SH đề nghị Công ty HP thanh toán hộ cho Công ty T Hà Nội 02 lần, tổng số tiền đã thanh toán là 8.958.713.500 đồng. Sở dĩ có khái niệm thanh toán hộ ở đây vì trước khi ký HĐ số 106, Công ty số 1 SH và Công ty HP đã ký Hợp đồng thi công số 12/2016/PL/CT-5/HĐXD ngày 08/01/2016, theo đó Công ty số 1 SH nhận thi công một số hạng mục công trình chung cư cao tầng CT5 thuộc dự án Khu nhà ở xã hội Phú Lãm đã bao gồm chi phí nguyên vật liệu để xây dựng công trình. Do đó, việc Công ty HP chuyển tiền cho Công ty T Hà Nội đồng nghĩa với việc Công ty số 1 SH thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình nên Công ty T Hà Nội nói rằng Công ty số 1 SH chưa thanh toán lần nào là không đúng. Thực tế Công ty số 1 SH đã thanh toán 8.958.713.500 đồng, được xác định là thanh toán cho đơn 3, 4 và một phần đơn 2. Do đó, Công ty số 1 SH không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm trả, Toà án cấp sơ thẩm buộc Công ty số 1 SH phải thanh toán tiền lãi chậm trả cho Công ty T Hà Nội với lãi suất là0.06%/ngày, tương đương 21,4%/năm. Mức lãi suất này vượt quá 20% nên vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Vì vậy, Công ty số 1 SH đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo và hủy bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại.

6.2 Công ty HP (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Toà án cấp sơ thẩm buộc Công ty HP có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T Hà Nội số tiền hàng còn lại là 3.816.929.776 đồng và phải nộp án phí sơ thẩm là 108.339.000 đồng là không có cơ sở, căn cứ pháp lý và không đúng với nội dung mà các bên thỏa thuận và thực hiện theo HĐ số 106, bởi lẽ:

Quan hệ giữa Công ty T Hà Nội và Công ty HP theo HĐ số 106 không phải là quan hệ mua bán hàng hóa giữa bên bán và bên mua theo quy định tại Điều 24, 34, 35, 37, 50 và 55 Luật Thương mại. Thực chất quan hệ giữa Công ty T Hà Nội và Công ty HP là quan hệ thu hộ, chi hộ được điều chỉnh bởi quy định tại Điều 274, 275, 276 Bộ luật Dân sự 2015. Công ty HP chỉ thực hiện

nghĩa vụ của mình trên cơ sở hợp đồng, nghĩa vụ chỉ phát sinh điều kiện thanh toán theo quy định tại Hợp đồng.

Cho đến thời điểm hiện tại, tổng số tiền Công ty HP thanh toán cho Công ty T Hà Nội theo HĐ 106 là 8.958.713.500 đồng, theo 02 lần Công ty số 1 SH đề nghị thanh toán hộ tại Công văn số 40/CT-TCKT ngày 19/01/2018 và Công văn số 78/CT-TCKT ngày 05/02/2018. Ngoài ra, Công ty HP chưa nhận thêm được bất kỳ hồ sơ văn bản đề nghị thanh toán nào của Công ty số 1 SH đề nghị thanh toán hộ theo HĐ số 106 nên không phát sinh nghĩa vụ Công ty HP phải thanh toán số tiền còn lại của phần nghĩa vụ thanh toán 80% HĐ số 106 là 3.816.929.776 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng: "*Việc Công ty HP thanh toán cho Công ty T Hà Nội số tiền 8.958.713.500 đồng đương nhiên xác định là Công ty HP chấp nhận Biên bản đối chiếu công nợ riêng của Công ty T Hà Nội và Công ty số 1 SH và đã đồng ý thanh toán cho Công ty T Hà Nội số tiền còn lại là 3.816.929.776 đồng*" là không có cơ sở pháp lý vì: ***1***. Quan hệ giữa Công ty HP và Công ty T Hà Nội là quan hệ thu hộ, chi hộ được điều chỉnh bởi quy định tại Điều 274, 275, 276 Bộ luật Dân sự 2015; ***2***. Biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/9/2016 và Biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/9/2017 là ghi nhận riêng giữa Công ty T Hà Nội và Công ty số 1 SH. Các tài liệu này Công ty HP không biết và cũng không tham gia xác nhận hay thừa nhận nội dung các biên bản đối chiếu công nợ này. ***3***. Công ty HP thanh toán 2 lần với tổng số tiền 8.958.713.500 đồng cho Công ty T Hà Nội là trên cơ sở đề nghị thanh toán hộ của Công ty số 1 SH, chứ không tự động thanh toán cho Công ty T Hà Nội khi chưa có văn bản đề nghị của Công ty số 1 SH.

Do chưa phát sinh điều kiện thanh toán dẫn tới chưa phát sinh nghĩa vụ thanh toán của HP cho T Hà Nội nên không có căn cứ pháp lý để buộc Công ty HP phải trả án phí dân sự sơ thẩm.

Công trình mà Công ty số 1 SH thi công cho Công ty HP có sử dụng thép do Công ty T Hà Nội cung cấp là công trình thuộc dự án nhà ở xã hội Phú Lãm, đây là dự án nhà ở xã hội phục vụ mục đích công cộng, có sự hỗ trợ từ nguồn vốn Ngân sách Nhà nước. Các yêu cầu đối với hồ sơ thanh quyết toán Dự án nhà ở xã hội phải phù hợp với yêu cầu của Dự án công. Nếu buộc Công ty HP phải thanh toán cho Công ty T Hà Nội khi chưa có xác nhận của Công ty số 1 SH thì phần hồ sơ thanh toán Dự án ai sẽ là người chịu trách nhiệm cung cấp bổ sung hồ sơ cho HP để quyết toán Dự án.Thực tế hiện nay Công ty HP đang gặp khó khăn trong quá trình quyết toán dự án nhà ở xã hội Phú Lãm do Công ty số 1 SH không cung cấp hồ sơ giấy tờ thanh quyết toán Hợp đồng. Công ty HP cũng là bên đang bị thiệt hại từ việc chậm trễ nộp hồ sơ thanh toán của Công ty số 1 SH.

Vì vậy, Công ty HP giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết:

- Tuyên hủy nội dung tại mục 2.2 (về nội dung) phần quyết định của bản án sơ thẩm về yêu cầu Công ty HP phải thanh toán cho Công ty T Hà Nội số tiền hàng còn lại là: 3.816929.776 đồng.

- Tuyên hủy nội dung tại mục 3 (về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm) phần quyết định của bản án sơ thẩm về yêu cầu Công ty HP phải nộp án phí là: 108.339.000 đồng.

- Yêu cầu Công ty số 1 SH và Công ty T Hà Nội thực hiện đúng các quy định các hợp đồng đã ký.

6.3Công ty T Hà Nội (nguyên đơn) trình bày:

Công ty T Hà Nội giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến đã trình bày, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm bác yêu cầu kháng cáo của Công ty số 1 SH và Công ty HP.

Công ty T Hà Nội đã thực hiện xong trách nhiệm giao hàng theo thỏa thuận tại HĐ số 106 nên Công ty số 1 SH và Công ty HP phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T Hà Nội giá trị còn lại của HĐ số 106. Trong đó:

- Công ty số 1 SH phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 3.193.910.819 đồng, tương đương 20% giá trị của HĐ số 106.

- Công ty HP phải thanh toán số tiền 12.775.643.276 đồng, tương đương 80% giá trị của HĐ số 106. Đã thanh toán: 8.958.713.500 đồng, còn phải thanh toán: 3.816.929.776 đồng.

Về yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm trả: Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty T Hà Nội đã rút một phần yêu cầu, điều chỉnh mức lãi suất chậm trả là 20%/nămvà chỉ yêu cầu Công ty số 1 SH phải thanh toán tiền lãi chậm trả đối với số tiền 3.193.910.819 đồng, tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28/9/2023 là 4.096.696.267 đồng; không yêu cầu tính lãi chậm trả đối với số tiền 3.816.929.776 đồng. Việc rút một phần yêu cầu tính lãi trên là thể hiện sự thiện chí và chia sẻ với khó khăn của Công ty số 1 SH. Công ty số 1 SH kháng cáo cho rằng Toà án cấp sơ thẩm tính lãi suất chậm trả là 0.06%/ngày, tương đương 21,4%/năm là không đúng.

Các đương sự thống nhất xác nhận ngoài các tài liệu chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra thì không còn tài liệu chứng cứ nào khác để nộp cho Tòa án và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

***7.Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội trình bày quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án*:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ thủ tục thụ lý vụ án, mở phiên tòa và tại phiên tòa xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự thể hiện, ngày 16/8/2019, Công ty T Hà Nội đã trực tiếp nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận TH. Do đó, theo quy định tại Điều 319 Luật thương mại năm 2005 thì thời hiệu khởi kiện của Công ty T Hà Nội vẫn còn nên nội dung kháng cáo của Công ty số 1 SH cho rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã hết thời hiệu khởi kiện là không có cơ sở.

- Về nội dung:Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ xét thấy việc ký kết hợp đồng giữa hai bên là tự nguyện, đã được xác định bằng chữ ký và con dấu của những người có thẩm quyền.Hợp đồng đã được các bên tự nguyện thực hiện và không có tranh chấp cho đến khi thanh toán hợp đồng, chốt nợ giữa hai bên nên được xác định là hợp pháp.

*Đối với yêu cầu thanh toán tiền nợ theo HĐ số 106:*Có đủ căn cứ xác định Công ty T Hà Nội đã thực hiện xong trách nhiệm giao hàng theo thỏa thuận tại HĐ số 106. Do đó, Công ty số 1 SH và Công ty HP phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T Hà Nội giá trị còn lại của HĐ số 106. Trong đó:

- Công ty số 1 SH phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 3.193.910.819 đồng, tương đương 20% giá trị của HĐ số 106.
- Công ty HP phải thanh toán số tiền 12.775.643.276 đồng, tương đương 80% giá trị của HĐ số 106. Đã thanh toán: 8.958.713.500 đồng, còn phải thanh toán: 3.816.929.776 đồng.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định buộc Công ty số 1 SH và Công ty HP phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T Hà Nội giá trị còn lại của HĐ số 106là có căn cứ.

Về yêu cầu tính lãi chậm trả: Tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty T Hà Nội giữ nguyên việc rút một phần yêu cầu tính lãi, điều chỉnh mức lãi suất chậm trả là 20%/năm và chỉ yêu cầu Công ty số 1 SH phải thanh toán tiền lãi chậm trả đối với số tiền 3.193.910.819 đồng, tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28/9/2023 là 4.096.696.267 đồng; không yêu cầu tính lãi chậm trả đối với số tiền 3.816.929.776 đồng. Việc rút một phần yêu cầu tính lãi của Công ty T Hà Nội là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và không trái quy định của pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là có cơ sở

Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các đương sự và căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyênbản án sơ thẩm.

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét về thủ tục kháng cáo:

- Tại ngày 22/9/2023 xét xử sơ thẩm và ngày 28/9/2023 tuyên án, Công ty số 1 SH và Công ty HP vắng mặt. Theo các tài liệu, kết quả tống đạt trong hồ sơ thể hiện: Ngày 12/10/2023, Công ty số 1 SH nhận được bản án sơ thẩm và ngày 17/10/2023 đã gửi đơn kháng cáo.Ngày 23/10/2023, Công ty HP nhận được bản án sơ thẩm và ngày 05/11/2023 đã gửi đơn kháng cáo.

Đơn kháng cáo của Công ty số 1 SH do người đại diện theo ủy quyền ký và trong phạm vi được ủy quyền.Đơn kháng cáo của Công ty HP do người đại diện theo pháp luật của Công ty ký.Đơn kháng cáo và biên lai nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm làm và nộp trong thời hạn luật định nên kháng cáo được chấp nhận. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Về người tham gia tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự có mặt theo Giấy triệu tập nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về nội dung kháng cáo:

2.1 Về nội dung kháng cáo của Công ty số 1 SHcho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi xét xử ngày 28/9/2023 nhưng không gửi Giấy triệu tập cho Công ty số 1 SH nên không biết để tham gia.

Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2023/QĐXXST-KDTM ngày 17/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2023/QĐST-DS ngày 08/9/2023, phiên tòa xét xử sơ thẩm dự kiến được xét xử lần 2 vào hồi 08h30 ngày 22/9/2023. Quyết định xét xử và quyết định hoãn phiên tòa đã được tống đạt hợp lệ tới các đương sự. Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày 22/9/2023, Công ty HP vắng mặt và có đơn xin hoãn phiên tòa. Công ty số 1 SH vắng mặt không có lý do. Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định vẫn tiếp tục đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm. Tại phần nghị án, do vụ án có nhiều tình tiết phức tạp, xét thấy cần có thời gian để nghị bàn nên Hội đồng xét xử quyết định nghị án kéo dài, dự kiến lịch tuyên án vào hồi 13h30 ngày 28/9/2023. Thông báo về việc nghị án kéo dài đã được thông báo cho các đương sự vắng mặt. Ngày 28/9/2023, Hội đồng xét xử đã tuyên án và Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm 38/2023/KDTM-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân quận TH đã được tống đạt đến các đương sự.

Như vậy, có sơ sở xác định Tòa án cấp sơ thẩm đã tống đạt, thông báo các

văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự trong quá trình xét xử vụ án. Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày 22/9/2023 và ngày tuyên án 28/9/2023, Công ty số 1 SH vắng mặt không có lý do. Do đó, kháng cáo của Công ty số 1 SH cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong việc cấp tống đạt văn bản tố tụng là không có cơ sở.

2.2 Về nội dung kháng cáo của Công ty số 1 SH liên quan đến thời hiệu khởi kiện

Công ty số 1 SH cho rằng lần xuất hóa đơn cuối cùng của HĐ số 106 là ngày 29/01/2018, lần xuất hóa đơn đầu tiên là ngày 16/7/2016.Đơn khởi kiện nguyên đơn đề ngày 05/8/2019. Như vậy nghĩa vụ bị vi phạm từ năm 2016 đến năm 2019 Công ty T Hà Nội mới khởi kiện là hết thời hiệu khởi kiện.

Hội đồng xét xử nhận thấy, từ ngày 16/7/2016 đến ngày 21/01/2018, Công ty T Hà Nội đã xuất bán thép cho Công ty số 1 SH theo 04 đơn hàng, với tổng giá trị: 15.969.554.095 đồng.

Ngày 23/01/2018 và ngày 04/4/2018, Công ty HP đã thay mặt Công ty số 1 SH 02 lần thanh toán cho Công ty T Hà Nội tổng số tiền 8.958.713.500 đồng vào tài khoản của Công ty T Hà Nội. Công ty T Hà Nội xác nhận Công ty HP đã thanh toán đủ số tiền trên. Từ lần thanh toán cuối cùng ngày 04/4/2018 đến nay, Công ty số 1 SH và Công ty HP không thanh toán cho Công ty T Hà Nội thêm bất kỳ một lần nào nữa. Do đó, kể từ ngày 04/4/2018, quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty T Hà Nội bị xâm phạm.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự thể hiện, ngày 16/8/2019, Công ty T Hà Nội đã trực tiếp nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận TH. Do đó, theo quy định tại Điều 319 Luật thương mại năm 2005 thì thời hiệu khởi kiện của Công ty T Hà Nội vẫn còn. Do đó, nội dung kháng cáo của Công ty số 1 SH cho rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã hết thời hiệu khởi kiện là không có cơ sở.

2.3Về nội dung kháng cáo của Công ty số 1 SH và Công ty HP liên quan đến việc ký kết, thực hiện và nghĩa vụ thanh toán của Hợp đồng số 106

**** Về tính pháp lý của HĐ số 106:***

Công ty HP là chủ đầu tư công trình chung cư cao tầng CT-5 thuộc dự án: Khu nhà ở xã hội Phú Lãm.Để thực hiện thi công công trình, Công ty HP đã ký HĐ số 12/2016/PL/CT-5/HĐXD ngày 08/01/2016 (viết tắt là HĐ số 12) với Công ty số 1 SH, theo đó Công ty HP thuê Công ty số 1 SH thi công một số hạng mục công trình chung cư cao tầng CT5 thuộc dự án Khu nhà ở xã hội Phú Lãm cho Công ty HP.

Vì giá trị Gói thầu thi công theo HĐ số 12 đã bao gồm cả chi phí nguyên vật liệu đầu vào để xây dựng công trình nên Công ty số 1 SH phải mua thép của Công ty T Hà Nội để phục vụ thi công công trình theo HĐ số 12. Vì vậy, ngày 01/6/2016, 03 Công ty gồm: Công ty HP (chủ đầu tư), Công ty số 1 SH (bên

mua) và Công ty T Hà Nội (bên bán) đã ký Hợp đồng nguyên tắc số 106/2016/PL/CT-5/HĐNT, theo đó Công ty T Hà Nội đồng ý bán thép cho Công ty số 1 SH để phục vụ thi công công trình chung cư cao tầng CT-5 thuộc dự án: Khu nhà ở xã hội Phú Lãm do Công ty HP là Chủ đầu tư, với thỏa thuận: "*Công ty HP (Bên A) thanh toán cho Công ty T Hà Nội (Bên C) tương ứng 80% giá trị đơn hàng. Số tiền còn lại Công ty số 1 SH có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T Hà Nội".*

Xét thấy:

Đối vớiCông ty HP và Công ty T Hà Nội, người ký kết HĐ số 106 là người đại diện của Công ty ký và có đóng dấu.Hai Công ty đều thừa nhận, không có ý kiến và không có kháng cáo về tính pháp lý của HĐ số 106 nên có hiệu lực thi hành.

Đối với Công ty số 1 SH, mặc dù khi ký HĐ số 106 do ông Nguyễn Ngọc là Tổng Giám đốc ký, không phải đại diện theo pháp luật của Công ty nhưng sau khi ký Hợp đồng số 106, Công ty T Hà Nội đã cung ứng vật tư, hàng hóa cho Công ty số 1 SH theo 04 đơn đặt hàng. Các hồ sơ thanh toán thể hiện, ông Phạm Văn Nghĩa, Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty số 1 SH không phản đối việc ký kết HĐ số 106, vẫn đồng ý thực hiện Hợp đồng và đã ký xác nhận các hồ sơ thanh toán, tại các tài liệu như: đơn đặt hàng, báo giá, Bảng tổng hợp giá trị vật tư và Bảng tổng hợp giá trị thanh toán. Các Biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/9/2016 và ngày 30/9/2017 đều do ông Phạm Văn Nghĩa, là người đại diện theo pháp luật của Công ty ký. Các hóa đơn GTGT Công ty T Hà Nội xuất đều đã được Công ty số 1 SH khai báo thuế.Như vậy, người đại diện theo pháp luật của Công ty số 1 SH không phản đối, đã thừa nhận và đồng ý thực hiện HĐ số 106 nên căn cứ Điều 139 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 24 Luật Thương mại thì HĐ số 106 có hiệu lực thi hành đối với các bên. Do đó, ý kiến của Công ty số 1 SH cho rằng Hợp đồng số 106 vô hiệu là không có căn cứ.

**** Về giá trị thanh toán của HĐ số 106:***

Quá trình thực hiện HĐ số 106, từ ngày 11/7/2016 đến ngày 14/9/2017, Công ty T Hà Nội đã xuất bán cho Công ty số 1 SH 03 đơn hàng:

Đơn 1: Ngày 16/7/2016 xuất bán đơn hàng trị giá: 6.572.594.655 đồng;

Đơn 2: Ngày 27/7/2016 xuất bản đơn hàng trị giá: 1.484.780.715 đồng;

Đơn 3: Ngày 15/9/2017 xuất bán đơn hàng trị giá: 4.147.302.445 đồng;

Ngày 30/9/2016 và ngày 30/9/2017, Công ty số 1 SH và Công ty T Hà Nội đã ký biên bản đối chiếu công nợ, xác định: Tính đến ngày 30/9/2017, số tiền dư nợ cuối kỳ của HĐ số 106 là **12.204.677.815 đồng**.

Sau đó, ngày 28/01/2018, Công ty T Hà Nội tiếp tục xuất bán cho Công ty số 1 SH đơn hàng thứ 4:

Đơn 4: Ngày 28/01/2018 xuất bán đơn hàng trị giá: 3.764.876.280 đồng.

Xét thấy:

- Qua các tài liệu, chứng cứ và trình bày của các đương sự thể hiện từ ngày 11/7/2016 đến ngày 21/01/2018, Công ty T Hà Nội đã xuất bán 04 đơn hàng và xuất đủ hóa đơn tài chính cho Công ty số 1 SH với tổng giá trị: **15.969.554.095 đồng.**Tại hồ sơ thanh toán thể hiện, Công ty số 1 SH đã xác nhận nhận đủ hàng hóa theo 04 đơn đặt hàng, ký Bảng tổng hợp giá trị vật tư và giá trị thanh toán. Công ty số 1 SH và Công ty T Hà Nội đã đối chiếu và ký biên bản đối chiếu công nợ vào ngày 30/9/2016 và ngày 30/9/2017. Các hóa đơn GTGT Công ty T Hà Nội xuất đều đã được Công ty số 1 SH nhận và không có ý kiến phản đối. Do đó, có cơ sở xác định tổng giá trị thanh toán của Hợp đồng số 106 là **15.969.554.095 đồng.**

- Công ty số 1 SH và Công ty HP cho rằng tại Điều 1 HĐ số 106 ghi rõ "*thép xây dựng do các hãng sản xuất gồm: Việt Đức, Hòa phát, Việt ý, Thái nguyên, Việt Úc, Việt Nhật, đường kính theo hồ sơ thiết kế được chủ đầu tư phê duyệt"*. Tuy nhiên trong hồ sơ thanh toán của Công ty T Hà Nội (bên C) cung cấp có 1 lượng đáng kể thép Việt-Sing là sai so với thỏa thuận tại HĐ số 106.

Hội đồng xét xử nhận thấy tại Điều 5 HĐ số 106 các bên có thỏa thuận về trách nhiệm của các bên về giao nhận hàng hóa như sau: "*5.1 Trách nhiệm của Công ty HP: Kiểm tra kết quả thí nghiệm chất lượng hàng hóa. Trường hợp hàng hóa không đảm bảo chất lượng thì Công ty HP yêu cầu Công ty số 1 SH không được hạ hàng và phải đổi hàng khác đảm bảo chất lượng theo quy định. 5.2 Trách nhiệm của Công ty số 1 SH: Cử nhân viên bố trí mặt bằng để giao nhận kíp thời đúng số lượng, chất lượng của đơn hàng và quy định của hợp đồng; Kiểm tra, giám sát về hàng hóa (bao gồm số lượng, chất lượng, chủng loại)*"

Tại các đơn đặt hàng đợt 3 và đợt 4, Công ty số 1 SH đặt hàng chủ yếu là Thép Việt Sinh. Công ty T Hà Nội đã báo giá Thép Việt Sinh và Công ty số 1 SH đồng ý mua. Việc giao nhận hàng có ký biên bản giao nhận hàng theo các chủng loại theo đơn đặt hàng. Như vậy, Công ty T Hà Nội đã giao hàng theo đúng đơn đặt hàng của Công ty số 1 SH. Về phía Công ty HP, khi đưa hàng hóa vào sử dụng thì nếu thấy hàng hóa không đúng chủng loại theo Hợp đồng thìtheo thảo thuận tại Điều 5 HĐ số 106 và Điều 39 Luật Thương mại, Công ty HP có quyền từ chối nhận hàng, yêu cầu cầu Công ty số 1 SH và Công ty T Hà Nội không được hạ hàng và phải đổi hàng khác nhưng thực tế vẫn nhận hàng và đưa vào sử dụng. Trong thời gian khiếu nại về chất lượng hàng hóa, Công ty số 1 SH và Công ty HP cũng không có bất kỳ ý kiến hay khiếu nại nào. Do đó, Công ty số 1 SH và Công ty HP phải có trách nhiệm thanh toán đối với số lượng hàng hóa đã nhận và sử dụng tại công trình, có tổng giá trị thanh toán của 04 đơn hàng là **15.969.554.095 đồng.**

**** Về nghĩa vụ thanh toán của Hợp đồng số 106:***

Tại Điều 4 HĐ số 106 các bên có thỏa thuận:

*"**1. Thanh toán vật tư**: Căn cứ hồ sơ thanh toán được duyệt, Công ty HP (Bên A) thanh toán cho Công ty T Hà Nội (Bên C) tương ứng 80% giá trị đơn hàng. Giá trị cụ thể theo từng hồ sơ thanh toán do Công ty số 1 SH (bên B) đề xuất và Bên A chấp nhận. Số tiền còn lại Công ty số 1 SH có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T Hà Nội.*

*2. **Thời gian thanh toán**: Bên A và Bên B sẽ thanh toán cho Bên C trong vòng 45 ngày kể từ ngày giao hàng. Nếu quá hạn Bên B phải trả lãi cho Bên C theo lãi suất 0.06%/ngày, suốt thời gian quá hạn.*

*3. **Thu hồi tiền thanh toán vật tư**: Công ty HP (Bên A) sẽ thu hồi toàn bộ số tiền thanh toán vật tư cho Công ty T Hà Nội (Bên C) ở kỳ thah toán, tương ứng khối lượng hoàn thanh giai đoạn của Công ty số 1 SH (bên B)".*

Căn cứ thỏa thuận tại Điều 4 của HĐ số 106, tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty T Hà Nội đã khởi kiện như sau:

+ Yêu cầu Công ty số 1 SH có nghĩa vụ thanh toán số tiền **3.193.910.819 đồng**, tương đương 20% giá trị của HĐ số 106.

+ Yêu cầu Công ty HP phải thanh toán số tiền 12.775.643.276 đồng, tương đương 80% giá trị của HĐ số 106. Đã thanh toán: 8.958.713.500 đồng, còn phải thanh toán: **3.816.929.776 đồng**.

Hội đồng xét xử nhận thấy, theo đơn khởi kiện của Công ty T Hà Nội thì Công ty HP và Công ty số 1 SH đều có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ của HĐ số 106 cho Công ty T Hà Nội và đều bị khởi kiện. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Công ty HP và Công ty số 1 SH là người bị kiện nên phải xác định là bị đơn. Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công ty HP là người có quyền lợi, vụ liên quan, còn Công ty số 1 SH là bị đơn là không đúng với quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, thiếu sót trên không làm ảnh hưởng đến nghĩa vụ thanh toán Công ty HP và Công ty số 1 SH đối với Công ty T Hà Nội nên không cần phải sửa án, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Tòa án cấp sơ thẩm quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty số 1 SH phải thanh toán 3.193.910.819 đồng (*tương đương 20% giá trị của HĐ số 106)* và Công ty HP phải thanh toán 3.816.929.776 đồng (*tương đương phần còn lại chưa thanh toán của 80% giá trị của HĐ số 106)*. Hiện nay, Công ty HP và Công ty số 1 SH đều kháng cáo, cho rằng quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là không khách quan.

Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ căn cứ xác định Công ty T Hà Nội đã thực hiện xong trách nhiệm giao hàng theo thỏa thuận tại HĐ số 106. Do đó, Công ty số 1 SH và Công ty HP phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T Hà Nội giá trị còn lại của HĐ số 106. Tuy nhiên, việc xác định nghĩa vụ thanh toán phải căn cứ vào thỏa thuận tại Điều 4 HĐ số 106, cụ thể như sau:

- Đối với yêu cầu Công ty số 1 SH phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 3.193.910.819 đồng, tương đương 20% giá trị của HĐ số 106.

Theo HĐ số 106, Công ty số 1 SH là bên mua hàng và Công ty T Hà Nội là bên bán hàng. Do đó, theo quy định tại Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại thì Công ty số 1 SH là Bên mua phải có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận.

Căn cứ thỏa thuận tại Điều 4 HĐ số 106 nêu trên, Công ty số 1 SH phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T Hà Nội số tiền tương đương 20% giá trị của HĐ số 106. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn, buộc Công ty số 1 SH phải thanh toán số tiền 3.193.910.819 đồng, tương đương 20% giá trị của HĐ số 106 là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Điều 4 HĐ số 106.

Công ty số 1 SH cho rằng đã thanh toán cho Công ty T Hà Nội số tiền 8.958.713.500 đồng.Trình bày trên của Công ty số 1 SH là không đúng vì theo tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện tại Công văn số 40/CT-TCKT ngày 19/01/2018 và Công văn số 78/CT-TCKT ngày 5/02/2018, Công ty số 1 SH đã đề nghị Công ty HP thanh toán hộ tiền vật tư, với tổng số tiền là 8.958.713.500 đồng. Căn cứ đề nghị trên, Công ty HP đã chuyển tiền thanh toán cho Công ty T Hà Nội theo thỏa thuận tại Điều 4 HĐ số 106. Như vậy, số tiền 8.958.713.500 đồng là tiền của Công ty HP chứ không phải là của Công ty số 1 SH.

Do đó, kháng cáo của Công ty số 1 SH cho rằng quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm không khách quan là không có cơ sở.

- Đối với yêu cầu Công ty HP phải thanh toán số tiền 12.775.643.276 đồng, tương đương 80% giá trị của HĐ số 106. Đã thanh toán: 8.958.713.500 đồng, còn phải thanh toán: 3.816.929.776 đồng.

Xét thấy:

Ngày 01/6/2016,Công ty số 1 SH ký Hợp đồng nguyên tắc số106/2016/PL/CT-5/HĐNT mua thép của Công ty T Hà Nội để phục vụ thi công công trình chung cư cao tầng CT-5 thuộc dự án: Khu nhà ở xã hội Phú Lãm. Chủ đầu tư là Công ty HP.

Trước khi ký HĐ số 106, Công ty số 1 SH và Công ty HP đã ký HĐ số 12/2016/PL/CT-5/HĐXD ngày 08/01/2016 (viết tắt là HĐ số 12), theo đó Công ty số 1 SH nhận thi công một số hạng mục công trình chung cư cao tầng CT5 thuộc dự án Khu nhà ở xã hội Phú Lãm cho Công ty HP. Giá trị Gói thầu thi công theo HĐ số 12 đã bao gồm cả chi phí nguyên vật liệu đầu vào để xây dựng công trình nên Công ty số 1 SH phải ký HĐ số 106 mua thép của Công ty T Hà Nội để phục vụ thi công công trình theo HĐ số 12.

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toántiền mua hàng của HĐ số 106, tại khoản 1 Điều 4 HĐ số 106 các bên thỏa thuận có nội dung:*Căn cứ hồ sơ thanh toán được duyệt, Công ty HP (Bên A) cam kết sẽ thanh toán cho Công ty T Hà Nội (Bên C)*

tương ứng 80% giá trị đơn hàng. Giá trị cụ thể theo từng hồ sơ thanh toán do Công ty số 1 SH (bên B) đề xuất và Bên A chấp nhận. Số tiền còn lại Công ty số 1 SH có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T Hà Nội.

Như vậy, theo thỏa thuận tại khoản 1 Điều 4 HĐ số 106 thì Công ty HP đã cam kết sẽ thanh toán thay cho Công ty số 1 SH là 80% giá trị đơn hàng nên Công ty HP phải cónghĩa vụ thanh toán cho Công ty T Hà Nội khi đủhồ sơ thanh toán và xác nhận giá trị thanh toán. Hiện nay, tại hồ sơ thanh toán thể hiện, Công ty số 1 SH đã xác nhận nhận đủ hàng hóa theo 04 đơn đặt hàng, ký Bảng tổng hợp giá trị vật tư và giá trị thanh toán, các bên cũng đã đối chiếu và ký biên bản đối chiếu công nợ vào ngày 30/9/2016 và ngày 30/9/2017.Công ty HP đã xuất đủ 04 hóa đơn VAT, Công ty số 1 SH đã nhận và không có ý kiến. Do đó, có cơ sở xác định tổng giá trị thanh toán của Hợp đồng số 106 là 15.969.554.095 đồng. Vì vậy**,** Công ty HP phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T Hà Nội 80% giá trị hợp đồng, tương ứng số tiền 12.775.643.276 đồng, đã thanh toán: 8.958.713.500 đồng nên còn phải thanh toán: 3.816.929.776 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc Công ty HP phải thanh toán cho Công ty T Hà Nội số tiền 3.816.929.776 đồnglà có căn cứ.

Công ty HP cho rằng đến thời điểm hiện tại, ngoài 02 lần Công ty số 1 SH đề nghị thanh toán hộ tại Công văn số 40/CT-TCKT ngày 19/01/2018 và Công văn số 78/CT-TCKT ngày 05/02/2018 thì Công ty HP chưa nhận thêm bất kỳ hồ sơ văn bản đề nghị hộ thanh toán nào của Công ty số 1 SH. Do đó, Công ty HP không phát sinh nghĩa vụ phải thanh toán số tiền còn lại của phần nghĩa vụ thanh toán 80% giá trị hợp đồng cho Công ty T Hà Nội, từ đó không đồng ý thanh toán tiếp cho Công ty T Hà Nội số tiền 3.816.929.776 đồng.Ý kiến trên Công ty HP là không đúng với cam kết đã thỏa thuận tại khoản 1 Điều 4 HĐ số 106. Do đó, kháng cáo Công ty HP không có cơ sở để chấp nhận.

Tại khoản 3 Điều 4 HĐ số 106 các bên thỏa thuận: "3. ***Thu hồi tiền thanh toán vật tư****: Công ty HP (Bên A) sẽ thu hồi toàn bộ số tiền thanh toán vật tư cho Công ty T Hà Nội (Bên C) ở kỳ thanh toán, tương ứng khối lượng hoàn thành giai đoạn của Công ty số 1 SH (bên B)"*

Theo thỏa thuận tại khoản 3 Điều 4 HĐ số 106 thì số tiền Công ty HP đã thanh toán thay sẽ được bù trừ vào giá trị thanh toán mà Công ty HP phải thanh toán cho Công ty số 1 SH tương ứng với giá trị hoàn thành của công trình. Chính vì vậy, khi Công ty HP thanh toán hộ vào ngày 23/01/2018 và ngày 04/4/2018, Công ty số 1 SH cam kết sẽ bù trừ cho Công ty HP vào các lần tạm ứng giá trị hoàn thành giai đoạn 05 và 06 theo HĐ số 12.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm, Công ty HP đề nghị trường hợp Công ty HP phải thanh toán thay số tiền còn lại của HĐ số 106 và Tòa án chấp nhận thì đề nghị phải xem xét buộc Công ty số 1 SH phải đối trừ với giá trị thanh toán của HĐ số 12 mà Công ty HP phải thanh toán cho Công ty số 1 SH. Nghĩa vụ đối

trừ theo thỏa thuận tại khoản 3 Điều 4 HĐ số 106 là việc bắt buộc khi Công ty HP thanh toán hộ cho Công ty số 1 SH.

Hội đồng xét xử nhận thấy, thỏa thuận tại khoản 3 Điều 4 HĐ số 106 cũng là một phần của HĐ số 106. Khi Công ty HP thanh toán hộ cho Công ty số 1 SH tiền mua thépthì đương nhiên có quyền đối trừ với nghĩa vụ thanh toán của HĐ số 12 với Công ty số 1 SH. Việc thực hiện cam kết thanh toán hộ và đối trừ nghĩa vụ trên là tự động và có tính chất bắt buộc phải thực hiện chứ không cần phải có yêu cầu của Công ty HP thì Tòa án mới xem xét.Việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định buộc Công ty HP phải có nghĩa vụ thanh toán thay số tiền còn lại của 80% giá trị HĐ số 106 là 3.816.929.776 đồng nhưng lại không buộc Công ty số 1 SH phải đối trừ với giá trị thanh toán theo HĐ số 12 cho Công ty HP là chưa xem xét đến thỏa thuận tại khoản 3 Điều 4 HĐ số 106.

Do đó,để giải quyết toàn diện vụ án và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho Công ty HP thì cần phải buộc Công ty số 1 SH thực hiện việc đối trừ và thanh toán hoàn trả toàn bộ số tiền **3.816.929.776 đồng** ngay sau khi Công ty HP thanh toán hộ tiền vật tư cho Công ty T Hà Nội theo thỏa thuận tại khoản 3 Điều 4 HĐ số 106.

Hiện nay, theo trình bày của các đương sự đều xác nhận giá trị khối lượng thanh toán của HĐ số 12 là 24.539.134.058 đồng. Công ty HP chưa thanh toán cho Công ty số 1 SH do các bên chưa hoàn thiện hồ sơ quyết toán. Do đó, HĐ số 12 vẫn còn khoản nợ phải thu là 24.539.134.058 đồng để thực hiện việc đối trừ nghĩa vụ theo thỏa thuận tại khoản 3 Điều 4 HĐ số 106. Tuy nhiên, hiện nay do bị cưỡng chế thuế, Công ty số 1 SH đã có văn bản số 16/CV-SH1 ngày 22/4/2024 gửi Cục thuế thành phố Hà Nộithông báo có khoản nợ phải thu là 24.539.134.058 đồng đối với Công ty HP từ Hợp đồng số 12, đồng thời đề nghị Cục thuế thành phố Hà Nội cưỡng chế bằng biện pháp thu tiền, tài sản khác của người nộp thuế bị cưỡng chế. Tại Công văn số 27739/CTHN-QLN ngày 14/5/2024 của Cục thuế thành phố Hà Nội, căn cứ khoản 5 Điều 36 Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ, Cục thuế thành phố Hà Nội đã yêu cầu Công ty HP đối chiếu công nợ và chưa thanh toán khoản nợ 24.539.134.058 đồng cho Công ty số 1 SH. Do đó, trường hợp Công ty HP phải thực hiện việc nộp thuế thay cho Công ty số 1 SH theo quyết định cưỡng chế nộp thuế của Cục thuế thành phố Hà Nội thì khoản nợ phải thu còn lại từ Hợp đồng số 12 phải được đối trừ với phần giá trị thanh toán mà Công ty HP đã thanh toán hộ cho Công ty số 1 SH theo thỏa thuận tại khoản 3 Điều 4 HĐ số 106.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty HP, buộc Công ty số 1 SH phải thực hiện việc đối trừ giá trị thanh toán hộ theo thỏa thuận tại khoản 3 Điều 4 HĐ số 106.

*** Về yêu cầu tính lãi do chậm trả**:

Tại khoản 2 Điều 4 HĐ số 106 các bên có thỏa thuận: "2. ***Thời gian thanh toán****: Bên A và Bên B sẽ thanh toán cho Bên C trong vòng 45 ngày kể từ ngày*

giao hàng. Nếu quá hạn Bên B phải trả lãi cho Bên C theo lãi suất 0.06%/ngày, suốt thời gian quá hạn”.

Xét thấy:

Các bên có thỏa thuận lãi suất chậm trả là 0.06%/ngày, tương đương 21,4%/năm. Mức lãi suất này vượt quá 20% nên vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định “*Thỏa thuận của các bên trong hợp đồng về lãi suất là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật về việc áp dụng lãi suất và đãđược T Hà Nội tính toán, thực hiện theo đúng hợp đồng, phù hợp với quy định về áp dụng mức lãi suất của Ngân hàng Nhà nước nên có giá trị thi hành đối với các bên*” là không đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện, Công ty T Hà Nội đã rút một phần yêu cầu, điều chỉnh mức lãi suất chậm trả là 20%/năm. Mức lãi suất trên phù hợp với khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Hội đồng xét xử nhận thấy, từ sau khi đối chiếu công nợ đến nay Công ty số 1 SH không thanh toán số tiền còn phải thanh toán cho Công ty T Hà Nội. Do đó, Công ty T Hà Nội yêu cầu Công ty số 1 SH phải thanh toán lãi chậm trả đối với toàn bộ số tiền nợ gốc chậm thanh toán là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Điều 4 HĐ số 106 và quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty T Hà Nội rút một phần yêu cầu và chỉ yêu cầu Công ty số 1 SH phải thanh toán tiền lãi chậm trả đối với số tiền 3.193.910.819 đồng tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28/9/2023 là 4.096.696.267 đồng; không yêu cầu tính lãi chậm trả đối với số tiền 3.816.929.776 đồng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu tính lãi của Công ty T Hà Nội là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và không trái quy định của pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là có cơ sở.

[3]. Các nội dung khác liên quan đến quyết định của bản án sơ thẩm:

Tại phần quyết định của bản án, Tòa án cấp sơ thẩm không quyết định về phần lãi suất chậm thi hành án là không đúng với Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Do đó, để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bên phải thi hành án, xét thấy cần sửa một phần bản án sơ thẩm về việc bổ sung phần quyết định về phần lãi suất chậm thi hành án theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Đối với Công ty số 1 SH, do kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm. Đối với Công ty HP, do kháng cáo được chấp nhậnmột phần nên không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp

luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 357, Điều 440, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147,khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273,Điều 278, Điều 280, khoản 3 Điều 284, Điều 299, khoản 2 Điều 308; Điều 309Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 24, Điều 39, Điều 40, Điều 44, Điều 306, Điều 319 Luật thương mại 2005.

- Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần xây dựng số 1 SH; Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần đầu Tư HP; sửa một phần bản án sơ thẩm. Xử:

1. Về tố tụng:

Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần T và thương mại Hà Nội đòi tiền phạt vi phạm hợp đồng đối với: Công ty cổ phần xây dựng số 1 SH số tiền 255.512.865 đồng; Công ty Cổ phần đầu Tư HP số tiền 305.354.382 đồng.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần T và thương mại Hà Nộiđòi tiền lãi chậm trả của số tiền 3.816.929.776 đồng.

2. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần T và thương mại Hà Nội yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư HP và Công ty cổ phần xây dựng số 1 SH thanh toán tiền còn nợ theo Hợp đồng nguyên tắc số 106/2016/PL/CT-5/HĐNT ngày 01/6/2016.

2.1. BuộcCông ty cổ phần xây dựng số 1 SH phải thanh toán cho Công ty Cổ phần T và thương mại Hà Nội, tổng số tiền:**7.290.607.086 đồng** *(bảy tỷ hai trăm chín mươi triệu sáu trăm linh bảy nghìn không trăm tám mươi sáu đồng),* trong đó:

- Tiền hàng còn lại là: **3.193.910.819 đồng** *(ba tỷ một trăm chín mươi ba triệu chín trăm mười nghìn tám trăm mười chín đồng).*

- Lãi chậm trả là**: 4.096.696.267 đồng** *(bốn tỷ không trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm sáu mươi bảy đồng).*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty cổ phần xây dựng số 1 SH còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng nguyên tắc số 106/2016/PL/CT-5/HĐNT ngày 01/6/2016nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2.2. Buộc Công ty cổ phần đầu tư HP phải thanh toán cho Công ty Cổ phần T và thương mại Hà Nội số tiền hàng còn lại là: **3.816.929.776 đồng** *(ba tỷ tám trăm mười sáu triệu chín trăm hai mươi chín nghìn bảy trăm bảy mươi sáu đồng).*

Công ty cổ phần xây dựng số 1 SH phải thanh toán hoàn trả Công ty cổ phần đầu tư HP số tiền **3.816.929.776 đồng** *(ba tỷ tám trăm mười sáu triệu chín trăm hai mươi chín nghìn bảy trăm bảy mươi sáu đồng)* ngay sau khi Công ty cổ phần đầu tư HPthanh toán vật tư cho Công ty Cổ phần T và thương mại Hà Nội theo thỏa thuận tại khoản 3 Điều 4 Hợp đồng nguyên tắc số 106/2016/PL/CT-5/HĐNT ngày 01/6/2016.

3. Về án phí:

- *Án phí sơ thẩm*:

+ Công ty cổ phần xây dựng số 1 SHphải nộp **115.290.000 đồng** *(một trăm mười lăm triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng).*

+ Công ty cổ phần đầu tư HP phải nộp: **108.339.000 đồng** *(một trăm linh tám triệu ba trăm ba mươi chín nghìn đồng).*

Công ty Cổ phần T và Thương mại Hà Nội được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp **60.344.000 đồng** *(sáu mươi triệu ba trăm bốn mươi tư nghìn đồng)* theo biên lai số 0004167 ngày 15/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận TH, thành phố Hà Nội.

- *Án phí dân sự phúc thẩm*:

Công ty cổ phần xây dựng số 1 SH phải nộp **2.000.000 đồng** (*Hai triệu đồng*) tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm(*đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002268 ngày 03/11/2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận TH, thành phố Hà Nội*).

Hoàn trả Công ty cổ phần đầu tư HP số tiền **2.000.000 đồng** (*Hai triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm (*đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002283 ngày 10/11/2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận TH, thành phố Hà Nội*).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành

án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thi thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
-VKSNDTP Hà Nội;
- TAND Q. TH;
- Chi cục THADS Q.TH;
- Các Đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN

Bùi Đức Bằng